

Thứ hai, ngày 9 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thị trường tăng điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/12/2019		•	
Tuần 9/12-13/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Với lực kéo từ các mã bluechips như GAS, VCB, SAB, VNM, HPG, VN-Index có đà tăng tốt trong phiên sáng. Đến phiên chiều, trước áp lực bán gia tăng có lúc chỉ số đã lùi về sau mốc tham chiếu. Tuy vậy, GAS, VNM, SAB trụ vững đã giúp Index giữ được sắc xanh. Thị trường tiếp tục hồi phục trong trạng thái giằng co và lưỡng lự khi các tín hiệu vĩ mô trong và ngoài nước chưa thực sự rõ ràng. Trong bối cảnh đó, vùng giá 950-983 điểm vẫn sẽ là vùng vận động chủ yếu của chỉ số.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 09/12/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.7%. 10/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan. Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là 0.3%

Phân tích kỹ thuật: DPM_Hồi phục (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.50 điểm**, đóng cửa 966.06. HNX-Index **-0.14 điểm**, đóng cửa 102.36.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.02); VNM (+0.93); SAB (+0.53); VRE (+0.41); BID (+0.41)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.66); TCB (-0.35); MBB (-0.27); HVN (-0.20); CTG (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,054 tỷ đồng**, **+9.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.98 điểm. Thị trường có 187 mã tăng, 49 mã tham chiếu và 150 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **57.76 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm ROS (39.59 tỷ), HPG (34.97 tỷ) và VCB (14.67 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **5.02 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

966.06

Giá trị: 2781.99 tỷ

2.5 (0.26%)

Khối ngoại (ròng): 57.76 tỷ

HNX-INDEX

102.36

Giá trị: 219.35 tỷ

-0.14 (-0.14%)

Khối ngoại (ròng): -5.02 tỷ

UPCOM-INDEX

55.79

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.13 (-0.23%)

Khối ngoại(ròng): 5.58 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.7	-0.79%
Giá vàng	1,463	0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,170	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,614	-0.44%
Tỷ giá JPY/VND	21,366	0.11%
LS liên NH 1 tháng	4.3%	7.05%
LS TPCP 5 năm	2.1%	2.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ROS	37.7	MSN	33.0
HPG	35.0	VHM	19.2
VRE	14.7	PVD	10.4
VCB	14.7	DBC	9.8
VNM	11.9	KBC	9.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **10/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là 0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **13/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Vật liệu Xây dựng	0.7%	0.9%	-1.7%	2.3%	4.9%	4.3%	9.1%	18.6%
FTSE Việt Nam	0.7%	1.0%	-4.3%	0.9%	4.2%	4.4%	88.4%	14.9%
Lãi suất giảm	0.5%	0.1%	-5.2%	-3.2%	-4.0%	-2.2%	49.7%	17.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.4%	2.0%	-4.9%	-2.1%	-3.3%	-7.9%	-2.4%	17.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	-0.6%	-6.2%	1.0%	-9.3%	-15.0%	47.6%	21.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	1.4%	-8.0%	-1.5%	2.5%	-0.9%	66.2%	14.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	0.2%	-5.0%	-0.4%	2.3%	2.5%	80.1%	13.8%
Nước & Năng lượng	0.2%	1.3%	-2.5%	-2.2%	-3.5%	6.9%	52.1%	14.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	1.0%	-6.1%	0.0%	8.3%	9.0%	84.7%	16.0%
Hàng tiêu dùng	0.1%	-0.4%	-9.4%	-6.1%	-0.2%	-1.1%	49.7%	17.3%
Xây dựng	0.0%	2.2%	-8.0%	-9.7%	-11.8%	-14.9%	23.5%	18.0%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-1.0%	-2.8%	-4.2%	-8.2%	0.8%	18.1%	15.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	1.3%	-7.2%	2.1%	15.5%	21.7%	119.8%	18.9%
BDS & Khu công nghiệp	-0.2%	-0.2%	-4.2%	-1.8%	1.6%	1.9%	56.0%	16.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	0.6%	-8.5%	-1.3%	8.2%	5.8%	68.2%	17.0%
Dầu khí	-0.5%	-0.3%	-6.3%	-2.7%	-7.2%	-2.9%	20.5%	22.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	1.8%	1.8%	3.6%	0.1%	15.0%	53.1%	14.7%
Ngân hàng	-0.5%	0.8%	-7.8%	4.0%	14.2%	5.8%	83.8%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	0.9%	-8.3%	2.5%	4.7%	-2.9%	41.3%	19.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 3	0.8%	1.4%	-5.4%	1.1%	12.6%	13.7%	71.5%	18.8%
Danh mục 1	0.7%	0.8%	-4.0%	2.5%	9.8%	4.3%	93.0%	15.8%
Danh mục 18	0.6%	1.6%	-2.1%	1.5%	0.6%	2.2%	126.5%	18.2%
Danh mục 2	-0.3%	0.1%	-6.7%	-1.8%	4.7%	8.1%	109.9%	16.4%
Danh mục 4	-0.6%	-1.0%	-7.0%	-1.0%	8.1%	7.1%	33.7%	16.3%
* Note	13/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan							

Khẩu vị Rủi ro		Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 21	0.5%	0.6%	-6.3%	0.0%	9.1%	7.9%	63.8%	15.7%
Danh mục 23	0.3%	1.7%	-3.7%	3.4%	1.7%	24.8%	114.1%	18.7%
Danh mục 25	0.2%	1.3%	-6.4%	-1.0%	9.4%	28.5%	138.7%	17.9%
Danh mục 19	-0.1%	-0.5%	-5.0%	0.3%	10.2%	14.0%	60.3%	15.5%
Danh mục 20	-0.3%	-0.7%	-5.3%	-1.0%	8.8%	9.9%	54.6%	16.7%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan							

INDEX								
VNINDEX	0.3%	0.7%	-5.5%	-0.3%	1.7%	0.8%	45.2%	15.6%
VN30INDEX	-0.1%	0.6%	-6.9%	-0.6%	2.4%	-5.1%	39.5%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/9/2019

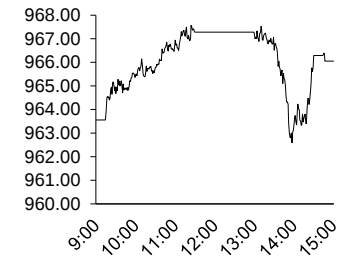
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

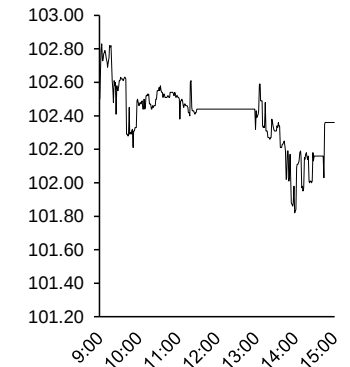
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	5.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%
Tài nguyên Cơ bản	1.3%
Y tế	0.7%
Thực phẩm và đồ uống	0.7%
Dịch vụ tài chính	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.4%
Công nghệ Thông tin	0.4%
Bán lẻ	0.3%
Bất động sản	0.1%
Bảo hiểm	0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.0%
Ngân hàng	-0.1%
Dầu khí	-0.2%
Hóa chất	-0.3%
Truyền thông	-0.5%
Du lịch và Giải trí	-0.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DPM_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: vượt trên mốc 50.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: DPM đang có dấu hiệu hồi phục sau khi đã giảm từ vùng kháng cự 15.5 về nền giá 13. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì giá trị ổn định. Chỉ báo MACD phiên hôm nay đã xuất hiện Golden Cross cho thấy cổ phiếu có thể tăng giá ngắn hạn. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI cũng vượt qua được mốc 50 nên xu hướng hồi phục tiềm năng duy trì trong vài ngày nữa. Tuy vậy, EMA12 vẫn đang ở dưới EMA26 nên áp lực bán sẽ tồn tại khi cổ phiếu tiếp cận các ngưỡng cản bên trên. Theo đánh giá của chúng tôi, dự kiến đợt tăng hiện tại sẽ đưa DPM trở lại vùng giá 14.5.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

(1) Nhu cầu phân bón giảm sút, cạnh tranh với hàng nhập khẩu, **(2) Nguồn cũ: Bể Cừu Long**, đang dần phân chuyển mờ, như vậy phải cộng thêm chi phí vận chuyển vào giàn công nghệ trung tâm, năm nay hiện đang lấy từ bể Nam Côn Sơn với tariff (tạm tính là 1.4 USD/mbtu), mức DPM kỳ vọng khoảng 1.2 -1.4 USD/mmmbtu), chậm nhất là đầu năm sau sẽ ký kết, chính phủ đã đảm bảo nguồn cung khí cho các nhà máy đạm đến năm 2023. **(4) Hàng nhập khẩu:** Giá bán khí cho các hộ đạm là được ưu đãi tại nước ngoài (Ấn Độ là 3.USD) **(5) Giá khí DPM:** Giá neo thị trường + 1.4 USD tariff (Nam Côn Sơn) = 6.65 USD đã bao gồm thuế (6T 2019). **(6) Giá bán URE 6M** 7,400 - 7,500 VND so với 6,700 -6,800 VND cùng kỳ, 9T2019 đạt khoảng 7,300 VND (+5% YoY). **(7) Sản lượng:** Kế hoạch 2019 là 100k tấn NPK. Lũy kế 1H2019, DPM đã bán được 40,000 tấn NPK (kinh doanh). Tình trạng các nhà máy NPK khó khăn các nhà máy chạy dưới 50% công suất thiết kế. Lũy kế 9 tháng 2019, Ure tiêu thụ 140k tấn và NPK đạt 64k tấn. **(8) Hoàn nhập:** (1) Nếu VAT nếu thông qua (DPM đang kỳ vọng cuối T10) thì tiết kiệm dc 400 tỷ chi phí một năm (hoàn lại) và (2) Trong trường hợp không có ký giá khí hợp đồng mới với GAS vào cuối năm thì khả năng sẽ được hoàn lại một phần nhờ vào tính tariff là 1.0 USD/mmmbtu thay vì 1.4 USD/mmmbtu.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express DPM 2019Q4.

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

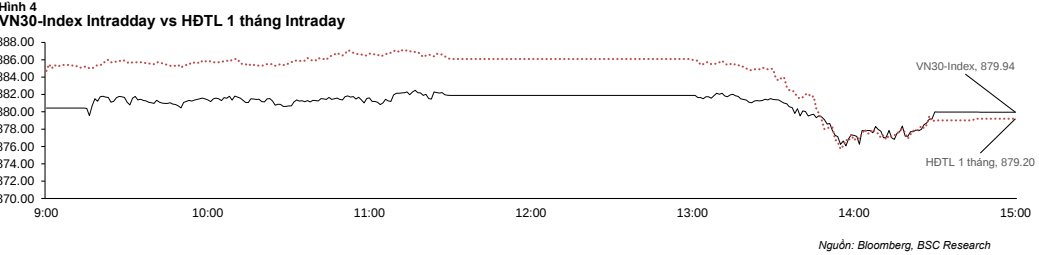
ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	879.20	-0.62%	-0.74	-3.4%	65351	12/19/2019	12
VN30F2001	881.50	-0.64%	1.56	24.7%	237	1/16/2020	40
VN30F2003	884.50	-0.51%	4.56	156.7%	77	3/19/2020	103
VN30F2006	887.50	-0.77%	7.56	88.0%	47	6/18/2020	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -0.49 điểm xuống mức 879.94 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HPG, MSN và TCB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tích lũy quanh vùng giá 881-882 điểm trong phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 phục hồi về dưới mốc tham chiếu sau điều chỉnh giảm xuống gần mức 876 điểm. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải, VN30 có thể tiếp tục tích lũy tại vùng giá 880-895 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CDPM1901	KIS	1/9/2020	31	1:1	123,660	-19.7%	1.5 triệu	27.22%	1,900	890	14.10%	150.60	5.91
CHPG1905	SSI	12/30/2019	21	1:1	476,610	13.3%	1.0 triệu	24.14%	3,300	1,490	13.74%	1,090.00	1.37
CHPG1908	MBS	1/22/2020	44	2:1	85,440	103.0%	2.0 triệu	24.14%	1,450	2,150	8.59%	1,752.00	1.23
CREE1902	SSI	1/22/2020	44	1:1	46,890	157.9%	1.0 triệu	23.17%	5,600	3,020	7.86%	1,280.60	2.36
CHPG1907	SSI	4/22/2020	135	1:1	107,590	10.5%	1.0 triệu	24.14%	4,200	5,060	6.75%	3,525.30	1.44
CMWG1902	VND	12/11/2019	2	4:1	128,860	14.4%	2.4 triệu	21.64%	2,990	5,080	5.83%	5,214.60	0.97
CVRE1902	HSC	4/8/2020	121	4:1	135,520	513.5%	5.0 triệu	23.45%	1,300	1,550	4.73%	838.80	1.85
CFPT1905	SSI	4/22/2020	135	1:1	25,020	-3.5%	1.0 triệu	20.56%	9,900	6,490	4.68%	3,316.00	1.96
CVNM1903	SSI	4/22/2020	135	1:1	13,180	3.2%	1.0 triệu	17.94%	26,600	15,750	4.65%	4,516.50	3.49
CFPT1903	SSI	12/30/2019	21	1:1	15,030	-58.2%	2.0 triệu	20.56%	6,000	10,690	2.30%	10,005.80	1.07
CFPT1907	VND	1/9/2020	31	2:1	92,530	378.2%	2.0 triệu	20.56%	4,200	1,960	2.08%	1,385.20	1.41
CREE1904	VND	1/9/2020	31	2:1	205,740	1526.4%	3.0 triệu	23.17%	3,400	1,550	1.97%	1,199.40	1.29
CVHM1902	SSI	4/22/2020	135	1:1	16,160	-7.1%	1.0 triệu	23.23%	18,600	16,200	1.25%	10,182.50	1.59
CMWG1903	HSC	12/30/2019	21	5:1	41,480	-29.8%	2.0 triệu	21.64%	2,700	3,370	0.90%	3,209.80	1.05
CMWG1904	SSI	12/30/2019	21	1:1	11,810	-57.9%	1.0 triệu	21.64%	14,000	21,130	0.86%	21,080.80	1.00
CVIC1902	SSI	4/22/2020	135	1:1	11,480	-1.0%	1.0 triệu	17.25%	22,700	16,430	-1.44%	6,300.00	2.61
CVJC1902	SSI	4/22/2020	135	1:1	11,700	-27.2%	1.0 triệu	14.30%	27,900	27,160	-3.69%	17,151.00	1.58
CMBB1905	HSC	4/8/2020	121	2:1	196,020	3.8%	5.0 triệu	16.25%	1,700	1,000	-8.26%	273.50	3.66
CMBB1903	SSI	4/22/2020	135	1:1	76,420	86.3%	3.0 triệu	16.25%	4,000	2,450	-9.59%	1,036.40	2.36
CMBB1902	HSC	12/17/2019	8	1:1	105,330	249.8%	1.0 triệu	16.25%	3,200	1,600	-20.00%	300.70	5.32
CHPG1902	KIS	12/11/2019	2	5:1	3,765,980	144.7%	6.0 triệu	0.00%	1,000	10	-50.00%	-	
CMWG1906	MBS	12/16/2019	7	5:1	718,790	245.9%	3.0 triệu	21.64%	2,850	50	-50.00%	2.70	18.52
Tổng:					6,411,240		41.40 triệu	19.96%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 09/12/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CHPG1902 và CMWG1906 đều giảm mạnh -50.00%. Trái lại, CDPM1901 và CHPG1905 tăng mạnh nhất lần lượt là 14.10% và 13.74%. Thanh khoản thị trường tăng 137.10%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 42.99% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1903 và CMWG1905 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	118.10	1.55	1.25
HPG	24.20	1.47	0.80
VRE	35.20	1.73	0.39
SAB	235.80	1.20	0.27
GAS	99.80	1.84	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	60.5	-3.20	-1.29
TCB	22.8	-1.51	-1.10
MBB	21.5	-1.83	-0.76
VPB	19.4	-1.02	-0.47
EIB	16.8	-0.88	-0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM1901	15,888	13,988	13,400
CHPG1905	93,300	23,100	24,200
CHPG1908	23,400	20,500	24,200
CREE1902	41,600	36,000	36,250
CHPG1907	25,200	21,000	24,200
CMWG1902	92,990	90,000	110,900
CVRE1902	37,700	32,500	35,200
CFPT1905	64,900	55,000	55,300
CVNM1903	146,600	120,000	118,100
CFPT1903	51,140	45,140	55,300
CFPT1907	61,400	53,000	55,300
CREE1904	40,800	34,000	36,250
CVHM1902	103,600	85,000	92,000
CMWG1903	25,800	95,000	110,900
CMWG1904	165,000	90,000	110,900
CVIC1902	137,700	115,000	115,900
CVJC1902	157,900	130,000	144,500
CMBB1905	26,400	23,000	21,450
CMBB1903	26,000	22,000	21,450
CMBB1902	23,700	21,800	21,450
CHPG1902	166,285	41,999	24,200
CMWG1906	135,150	120,900	110,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.9	0.1%	0.7	2,135	2.5	8,321	13.3	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.2	0.0%	0.9	795	0.8	4,839	17.0	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	65.7	-0.2%	1.3	2,002	0.3	1,889	34.8	2.9	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.6	0.3%	0.7	318	0.0	2,801	11.3	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.9	0.0%	1.0	16,975	0.9	1,589	72.9	5.0	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	35.2	1.7%	1.1	3,564	11.7	1,228	28.7	2.9	32.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.7	-0.5%	0.8	2,340	0.7	3,187	17.8	2.6	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	36.3	0.7%	1.0	489	0.9	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.7	-1.8%	1.5	312	0.6	3,215	4.2	0.8	45.4%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.6	0.5%	1.4	433	0.7	1,769	11.1	1.0	55.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	32.5	3.0%	1.0	232	0.0	5,067	6.4	1.5	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.7	-1.0%	1.5	314	0.7	1,287	18.4	1.7	57.3%	10.2%
FPT	Công nghệ	55.3	0.5%	0.8	1,631	1.7	4,688	11.8	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	0.0%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	99.8	1.8%	1.6	8,305	1.1	5,886	17.0	4.2	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.3	-0.2%	1.5	2,915	0.2	3,467	16.2	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.2	0.0%	1.7	357	0.8	2,062	8.3	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.1	-1.1%	0.8	1,227	0.3	1,163	7.8	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.8	2.4%	0.5	545	0.1	4,535	21.1	4.0	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.4	2.3%	0.8	228	0.3	650	20.6	0.7	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.6	-2.7%	0.7	152	0.1	625	10.6	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	85.2	0.4%	1.3	13,739	1.5	5,274	16.2	3.9	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.0	0.9%	1.6	6,995	0.6	2,109	19.0	2.4	17.9%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.2	-0.7%	1.6	3,262	1.9	1,641	12.3	1.0	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.4	-1.0%	1.2	2,030	0.6	3,341	5.8	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.5	-1.8%	1.1	2,169	3.9	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.9	-0.4%	1.1	1,649	0.8	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	47.0	-2.8%	0.8	167	0.4	5,073	9.3	1.5	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.4	0.0%	0.2	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.4	0.0%	1.3	619	0.0	732	19.7	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.2	1.5%	1.0	2,905	8.3	2,526	9.6	1.5	37.9%	17.4%
HSG	Thép	8.4	4.6%	1.6	155	2.9	890	9.4	0.7	17.4%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.1	1.5%	0.7	8,942	3.9	5,527	21.4	7.5	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	235.8	1.2%	0.8	6,575	0.4	7,365	32.0	8.5	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	60.5	-3.2%	1.3	3,075	3.8	4,512	13.4	2.1	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.0%	0.6	476	0.9	440	42.4	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	76.0	0.7%	0.8	7,194	0.1	2,630	28.9	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.5	0.1%	1.1	3,291	2.2	9,850	14.7	5.6	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	34.7	-1.4%	1.7	2,137	0.3	1,747	19.8	2.7	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	23.0	0.9%	0.8	297	0.3	1,949	11.8	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.5	-2.4%	0.6	202	0.4	2,571	6.4	1.1	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	79.5	2.1%	1.0	553	0.5	8,338	9.5	4.0	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	-0.3%	0.7	358	0.1	1,398	13.1	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	3.0%	0.8	253	0.2	1,912	8.0	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	64.4	-1.5%	0.7	214	0.2	9,842	6.5	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	0.0%	1.0	520	0.1	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.1	0.4%	0.4	249	0.3	1,845	12.5	1.1	51.3%	8.8%
POW	Điện	12.6	-0.4%	0.6	1,283	0.4	820	15.4	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.6	0.4%	0.6	283	0.3	2,721	8.3	1.5	19.1%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	99.80	1.84	1.01	255030.00
VNM	118.10	1.55	0.92	766050.00
SAB	235.80	1.20	0.52	38170.00
BID	40.00	0.88	0.41	358570.00
VRE	35.20	1.73	0.41	7.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.20	2.22	0.08	4.37MLN
VCS	79.50	2.05	0.05	145300.00
L14	67.50	4.65	0.04	76400.00
VNR	18.10	6.47	0.02	1100.00
SHS	7.80	1.30	0.01	263300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	60.50	-3.20	-0.68	1.42MLN
TCB	22.80	-1.51	-0.36	799820.00
MBB	21.45	-1.83	-0.27	4.16MLN
HVN	34.65	-1.42	-0.21	226580.00
CTG	20.15	-0.74	-0.16	2.20MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.90	-0.43	-0.17	814000.00
DGC	28.60	-3.70	-0.08	410200.00
MBG	29.80	-9.97	-0.07	352300.00
KLF	1.40	-6.67	-0.02	498200.00
SJE	18.90	-4.55	-0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	2.14	7.00	0.00	2110.00
TPC	10.70	7.00	0.01	10.00
HAI	3.07	6.97	0.01	3.92MLN
FIT	6.45	6.97	0.03	1.94MLN
L10	16.15	6.95	0.00	20.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	20.0	0.01	200.00
BII	1.00	11.1	0.00	166300.00
SPI	1.00	11.1	0.00	106500.00
KSD	6.60	10.0	0.00	100.00
MCO	2.20	10.0	0.00	39400.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJD	18.55	-9.29	-0.04	61040.00
ABT	32.55	-7.00	-0.01	680.00
TCO	12.05	-6.95	-0.01	10.00
SFC	21.60	-6.90	-0.01	3290.00
SRF	13.50	-6.90	-0.01	170.00

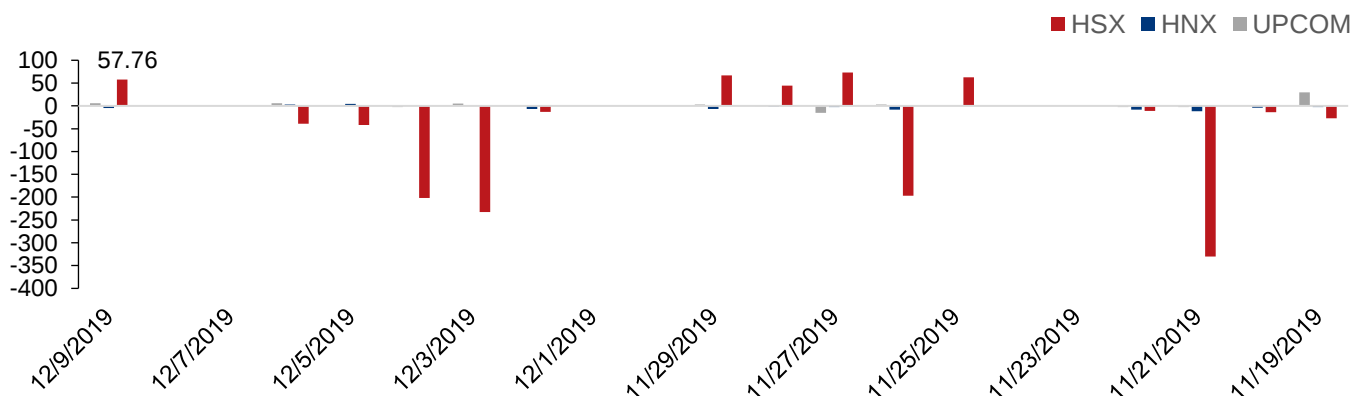
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.90	-10.00	0.00	104600.00
MBG	29.80	-9.97	-0.07	352300.00
SGD	9.10	-9.90	0.00	1500.00
PPP	15.50	-9.88	-0.01	800.00
VHE	6.50	-9.72	0.00	15700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2018	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	14.2	2,692	5.3	0.8	Click
2	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.8	2,660	8.6	1.4	Click
3	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	117.9	6,216	19.0	7.2	Click
4	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	85.2	5,274	16.2	3.9	Click
5	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.4	9,530	3.4	1.7	Click
6	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.3	4,688	11.8	2.8	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	24.0	3,491	6.9	1.1	Click
8	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.1	2,246	8.0	0.9	Click
9	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	42.0	3,678	11.4	0.8	Click
10	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	60.5	4,512	13.4	2.1	Click
11	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	118.1	5,527	21.4	7.5	Click
12	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.5	2,887	7.4	1.5	Click
13	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.3	5,614	6.5	1.1	Click
14	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.0	14,958	5.3	1.5	Click
15	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,279	3.7	0.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.9	3,585	6.4	1.5	Click
17	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.5	1,079	12.5	1.1	Click
18	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.2	5,274	16.2	3.9	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.3	1,723	13.5	1.7	Click
20	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	21.5	3,261	6.6	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa co nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn